

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TƯ PHÁP

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

TRẦN NGỌC ĐƯỜNG

**PHÒNG NGỪA TỘI CHỐNG NGƯỜI THI HÀNH CÔNG VỤ
Ở VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY**

Chuyên ngành: Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm

Mã số : 62 38 01 05

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2016

Công trình được hoàn thành tại:
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Người hướng dẫn khoa học: PGS, TS DƯƠNG TUYẾT MIÊN

Phản biện 1: PGS, TS Nguyễn Tất Viễn

Phản biện 2: PGS, TS Trần Đình Nhã

Phản biện 3: PGS, TS Trần Văn Độ

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án tiến sĩ cấp trường, họp tại Trường Đại học Luật Hà Nội, vào hồi h ngày tháng năm 201

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- 1) Thư viện Quốc gia;
- 2) Thư viện Trường Đại học Luật Hà Nội.

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong những năm gần đây, tình trạng CNTHCV đang diễn biến rất đáng lo ngại, gây tác động xấu về an ninh, trật tự xã hội. Các hành vi phạm tội này không chỉ ngăn cản quá trình thực hiện nhiệm vụ của người thi hành công vụ, ảnh hưởng đến hiệu quả của hoạt động này mà còn gây rối trật tự công cộng, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Nhiều vụ CNTHCV đã trở thành "ngòi nổ" để tạo thành "điểm nóng" về an ninh, trật tự, lôi kéo nhiều người tham gia, làm ảnh hưởng rất xấu đến trật tự pháp luật và an toàn xã hội ở địa phương. Các vụ CNTHCV không chỉ xảy ra ở các thành phố lớn mà còn diễn biến phức tạp ở nhiều địa phương khác trên toàn quốc, đặc biệt là tại các địa phương đang trong quá trình đô thị hóa, công nghiệp hoá. Bên cạnh đó, đối tượng CNTHCV rất đa dạng, có thể là lưu manh, côn đồ ở địa phương hoặc có tiền án, tiền sự cho đến cán bộ, công chức nhà nước, học sinh, sinh viên, công nhân, nông dân... Thực tiễn công tác phòng ngừa tội CNTHCV trong thời gian qua tuy đã được các cấp, các ngành, các địa phương chú trọng, nhưng do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan mà kết quả chưa đạt được như mong muốn.

Do đó, việc nghiên cứu một cách toàn diện, tổng thể về tình hình tội CNTHCV, tìm ra nguyên nhân của tội phạm này để từ đó đề xuất những biện pháp phòng ngừa thiết thực, có hiệu quả là rất cần thiết. Đến nay, chưa có công trình nào ở cấp độ luận án tiến sĩ nghiên cứu một cách hệ thống, toàn diện về tội CNTHCV ở Việt Nam. Xuất phát từ đòi hỏi của cả lý luận và thực tiễn, tác giả đã lựa chọn đề tài: *"Phòng ngừa tội chống người thi hành công vụ ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay"* làm luận án tiến sĩ của mình.

2. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu bao gồm tình hình tội CNTHCV, nguyên nhân của tội CNTHCV và các biện pháp phòng ngừa tội phạm này ở Việt Nam.

Về phạm vi nghiên cứu, luận án được nghiên cứu dưới góc độ tội phạm học tội CNTHCV ở Việt Nam trong vòng 11 năm (giai đoạn 2005 - 2015).

3. Mục tiêu và nội dung nghiên cứu

3.1 Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu của luận án là đánh giá được tình hình tội CNTHCV ở Việt Nam giai đoạn 2005 - 2015; xác định được nguyên nhân của tội CNTHCV ở Việt Nam giai đoạn 2005 - 2015; đề xuất được các biện pháp phòng ngừa tội CNTHCV.

3.2. Nội dung nghiên cứu

Thứ nhất, phân tích, đánh giá tình hình tội CNTHCV ở Việt Nam giai đoạn 2005 - 2015.

Thứ hai, xác định, phân tích các nhân tố được đánh giá là nguyên nhân của tội CNTHCV ở Việt Nam giai đoạn 2005 - 2015.

Thứ ba, trên cơ sở hai nội dung nêu trên, đưa ra những dự báo về thực trạng và diễn biến của tội CNTHCV ở Việt Nam trong những năm tới và đề xuất các biện pháp phòng ngừa tội CNTHCV nhằm loại trừ hoặc hạn chế các nhân tố là nguyên nhân của tội CNTHCV, góp phần làm giảm tội phạm trong xã hội.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Luận án được nghiên cứu trên cơ sở lí luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử.

Phù hợp với đối tượng nghiên cứu được xác định, các loại nghiên cứu khác nhau xét về chức năng được thực hiện trong luận án. Đó là nghiên cứu mô tả để làm rõ tình hình tội CNTHCV ở Việt Nam giai đoạn 2005 - 2015; nghiên cứu giải thích để xác định các nguyên nhân của tội CNTHCV ở Việt Nam giai đoạn 2005 - 2015; nghiên cứu về dự báo để dự báo tình hình tội CNTHCV ở Việt Nam trong thời gian tới và nghiên cứu về giải pháp để xây dựng các biện pháp phòng ngừa tội CNTHCV ở Việt Nam. Để thực hiện được các loại nghiên cứu này, các phương pháp nghiên cứu cụ thể thích hợp đã được lựa chọn và sử dụng; tiêu biểu là các phương pháp nghiên cứu cụ thể thuộc các nhóm phương pháp thu thập dữ liệu, phương pháp xử lý dữ liệu và phương pháp kiểm chứng giả thuyết.

- Nhóm phương pháp thu thập dữ liệu gồm phương pháp phân tích thứ cấp dữ liệu và phương pháp điều tra bằng bảng hỏi đối với nạn nhân của tội phạm.

- Phương pháp xử lý dữ liệu cụ thể được sử dụng trong luận án là phương pháp thống kê.

- Phương pháp cụ thể thuộc nhóm phương pháp kiểm chứng giả thuyết được tác giả lựa chọn và sử dụng trong luận án là phương pháp chứng minh trực tiếp giả thuyết nghiên cứu.

Ngoài ra, một số phương pháp khác còn được sử dụng kết hợp với các phương pháp nêu trên trong việc giải quyết các nội dung nghiên cứu của đề tài, đó là các phương pháp phân tích, tổng hợp và so sánh.

5. Những đóng góp mới của luận án

Luận án là công trình khoa học nghiên cứu một cách có hệ thống và toàn diện dưới góc độ tội phạm học về tội CNTHCV ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Các biện pháp phòng ngừa tội CNTHCV trong luận án có thể góp phần hạn chế hiệu quả tội CNTHCV ở Việt Nam, từ đó, góp phần vào việc duy trì xã hội Việt Nam ngày càng trật tự ổn định, kinh tế, xã hội ngày càng phát triển.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án

Xét về mặt lý luận, hầu hết các vấn đề được trình bày, phân tích trong luận án là những vấn đề mới lần đầu tiên được nghiên cứu một cách có hệ thống, toàn diện. Việc nghiên cứu thành công các vấn đề đó có thể được coi là một đóng góp đáng ghi nhận vào tội phạm học Việt Nam.

Về thực tiễn, việc nghiên cứu, đánh giá được các đặc điểm tội phạm học của tình hình tội CNTHCV trên phạm vi toàn quốc giai đoạn 2005 - 2015 và xác định được các nguyên nhân, đề xuất được biện pháp phòng ngừa tội phạm có ý nghĩa thiết thực đối với thực tiễn phòng ngừa tội CNTHCV của các cơ quan, tổ chức và công dân. Ngoài ra, luận án còn có giá trị tham khảo hữu ích cho cán bộ giảng dạy, nghiên cứu, sinh viên học tập, nghiên cứu chuyên ngành tội phạm học.

7. Kết cấu của luận án

Luận án gồm phần mở đầu, tổng quan vấn đề nghiên cứu, phần nội dung, phần kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục. Phần nội dung luận án gồm 3 chương:

Chương 1. Tình hình tội CNTHCV ở Việt Nam giai đoạn 2005 - 2015.

Chương 2. Nguyên nhân của tội CNTHCV ở Việt Nam.

Chương 3. Dự báo tình hình tội phạm và các biện pháp phòng ngừa tội CNTHCV ở Việt Nam.

TỔNG QUAN VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VỀ TỘI CHỐNG NGƯỜI THI HÀNH CÔNG VỤ

1.1. Các công trình khoa học nghiên cứu lý thuyết chung về tội phạm học ở trong nước

Trong những năm qua, đã có một số công trình khoa học nghiên cứu về lý thuyết tội phạm học, đáng kể là:

Về sách chuyên khảo có các công trình sau:

- Sách chuyên khảo “*Tội phạm học, luật hình sự và luật tố tụng hình sự Việt Nam*” của Viện nghiên cứu nhà nước và pháp luật, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 1994.

- Sách chuyên khảo “*Tội phạm học Việt Nam – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*” của Viện nghiên cứu nhà nước và pháp luật, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội, năm 2000.

- Sách chuyên khảo “*Tội phạm học hiện đại và phòng ngừa tội phạm*” của GS.TS. Nguyễn Xuân Yêm, Nhà xuất bản Công an nhân dân, năm 2001.

- Sách chuyên khảo “*Tội phạm và cấu thành tội phạm*” của GS.TS. Nguyễn Ngọc Hòa, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội, năm 2006.

- Sách chuyên khảo “*Một số vấn đề lý luận về tình hình tội phạm ở Việt Nam*” của TS. Phạm Văn Tỉnh, Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội, năm 2007.

- Sách chuyên khảo “*Tội phạm học đương đại*” của PGS.TS. Dương Tuyết Miên, Nhà xuất bản Chính trị - Hành chính, Hà Nội, năm 2013.

Bên cạnh các sách chuyên khảo còn có Giáo trình tội phạm học của các cơ sở đào tạo khác nhau như Trường đại học luật Hà Nội, Học viện cảnh sát nhân dân, Khoa Luật - Đại học quốc gia Hà Nội, Khoa luật - Đại học Huế.... Những cuốn giáo trình này cũng cung cấp những lý luận rất cơ bản về tội phạm học.

Dựa trên lý thuyết nền tảng của các công trình khoa học nêu trên, tác giả đã có cơ sở lý luận để phục vụ cho việc nghiên cứu về tội CNTHCV dưới góc độ tội phạm học đối với luận án của mình.

1.2. Các công trình khoa học liên quan đến phòng ngừa tội chống người thi hành công vụ xuất bản ở trong nước

1.2.1. Về sách chuyên khảo có liên quan đến đề tài

Sách chuyên khảo "Đấu tranh với tình hình tội phạm chống người thi hành công vụ ở nước ta hiện nay - Một mô hình nghiên cứu tội phạm học chuyên ngành"- tác giả Phạm Văn Tinh và Đào Bá Sơn, Hà Nội, 2009.

1.2.2. Về đề tài khoa học, hội thảo khoa học có liên quan đến đề tài

* Đề tài khoa học cấp cơ sở "Tội chống người thi hành công vụ trong công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ - Thực trạng và giải pháp phòng ngừa, ngăn chặn của lực lượng Cảnh sát giao thông"- chủ nhiệm đề tài Nguyễn Văn Chức - Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt, 2010.

* Kỷ yếu hội thảo khoa học "Chống người thi hành công vụ trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự của lực lượng Công an nhân dân - Thực trạng và giải pháp" - Bộ Công an, Hà Nội, 2008.

1.2.3. Về luận văn thạc sĩ có liên quan đến đề tài

* Luận văn thạc sĩ "Tội chống người thi hành công vụ - Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp"- tác giả Nguyễn Hoàng Yến, Hà Nội, 1996.

* Luận văn thạc sĩ "Đấu tranh phòng chống tội chống người thi hành công vụ trong giải phóng mặt bằng của lực lượng Cảnh sát nhân dân trên địa bàn Hải Dương" - tác giả Trần Anh Ngọc, Hà Nội, 2005.

* Luận văn thạc sĩ "Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động phòng, chống tội chống người thi hành công vụ trong lĩnh vực giải phóng mặt bằng của lực lượng Cảnh sát nhân dân trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh" - tác giả Nguyễn Minh Chiêu, Hà Nội, 2007.

* Luận văn thạc sĩ "Thực trạng tội chống người thi hành công vụ đối với cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát nhân dân trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và các giải pháp phòng chống" - tác giả Trần Đức Trung, thành phố Hồ Chí Minh, 2007.

* Luận văn thạc sĩ "Đấu tranh phòng, chống tội chống người thi hành công vụ ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay" - tác giả Đào Bá Sơn, Hà Nội, 2009.

* Luận văn thạc sĩ "Thực trạng chống Cảnh sát cơ động khi thi hành công vụ và giải pháp phòng ngừa, xử lý" - tác giả Hoàng Minh Đại, Hà Nội, 2010.

* Luận văn thạc sĩ "Phòng ngừa tội chống người thi hành công vụ ở Việt Nam" - tác giả Võ Thị Thùy Giang, Hà Nội, 2015.

1.2.4. Về bài báo khoa học đăng tạp chí

* Bài viết "Cơ cấu hành chính - lãnh thổ của tình hình tội chống người thi hành công vụ ở nước ta những năm qua", tác giả Phạm Văn Tỉnh, Đào Bá Sơn, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật số 4(264) năm 2010.

* Bài viết "Đấu tranh với tội chống người thi hành công vụ: Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp", tác giả Hồ Thế Hòe, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật số 7(279) năm 2011.

* Bài viết "Công tác phòng, chống tội chống người thi hành công vụ trên địa bàn thành phố Hà Nội", tác giả Nguyễn Đức Chung, Tạp chí Công an nhân dân số 5 năm 2013.

* Bài viết "Giải pháp phòng ngừa, ngăn chặn hành vi chống lại lực lượng Công an khi thi hành công vụ", tác giả Đoàn Tất Kinh, Tạp chí Công an nhân dân số 5 năm 2013.

1.3. Tình hình nghiên cứu của tội phạm học ở nước ngoài

Trong phạm vi tham khảo của tác giả, tác giả chưa tìm thấy công trình nghiên cứu nào có liên quan trực tiếp đến đề tài phòng ngừa tội CNTHCV. Các công trình tội phạm học nước ngoài tác giả đã nghiên cứu, tìm hiểu là:

- Clemens Bartollas và SimonDiniz, *Introduction to Criminology: Order and disorder*, New York: Harper and Row, (1989);
- Larry Siegel, *Criminology*, 4th ed, West publishing, (1992);
- Gennaro F.Vito và Ronald M. Holmes, *Criminology: Theory, Research and Policy*, Belmont CA: Wadsworth Press, (1994);
- Frank Schmalleger, *Criminology Today*, The University of North Carolina at Pembroke, Prentice Hall Publisher, (2002);
- Sue Titus Reid, *Criminal Justice*, Macmillan Publishing Company, (2005);
- Tim New Burn, *Criminology*, Willan Publishing, (2007);
- Mike Maguire, *The Oxford Hand book of Criminology*, Oxford University Press, (2012);
- Jame Treadwell, *Criminology: The Essentials*, Sage Pulishing Ltd, (2012);
- Criss Hale, Keith Haywrd, *Criminology*, Oxford University Press, (2013);
- Eamonn Carrabine, Pamela Cox and 5 more, *Criminology: A sociological Introdtion*, Routledge Publishing, (2014).

2. Đánh giá chung về các công trình khoa học liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của đề tài

2.1. Kết quả đạt được

Các công trình nghiên cứu đều khẳng định tính thời sự, tầm quan trọng và ý nghĩa nhiều mặt của việc nghiên cứu vấn đề phòng ngừa tội CNTHCV; đánh giá tương đối chính xác tình hình tội CNTHCV tại một không gian, thời gian phạm tội nhất định; xác định được cụ thể, chính xác các nguyên nhân của tội CNTHCV, đề xuất được nhiều biện pháp phòng ngừa tội CNTHCV có giá trị tham khảo và áp dụng trên thực tế. Khi nghiên cứu về tình hình tội CNTHCV, ở các mức độ khác nhau, các công trình đã khái quát được mức độ, cơ cấu, tính chất của tội CNTHCV và diễn biến của nó; đưa ra được một số nhận định, đánh giá khá sát hợp với tình hình, làm căn cứ cho việc xác định nguyên nhân và đề xuất các giải pháp phòng ngừa tội CNTHCV trong một không gian và thời gian xác định. Nghiên cứu về nguyên nhân của tội CNTHCV, các công trình đã tiếp cận ở các mức độ tổng thể và bộ phận, làm rõ từng nhóm nguyên nhân (nhóm nguyên nhân thuộc về kinh tế, xã hội, nhóm liên quan đến yếu kém trong xây dựng, triển khai thực hiện các chính sách kinh tế, xã hội, nhóm liên quan đến yếu kém của người thi hành công vụ và các cơ quan quản lý, nhóm liên quan đến yếu kém trong công tác xử lý vi phạm và tội CNTHCV). Khi nghiên cứu và đề xuất các giải pháp phòng ngừa tội CNTHCV, nhìn chung các công trình đã căn cứ vào THTP và các nguyên nhân của tội phạm, từ đó đề xuất được các giải pháp gắn với từng lĩnh vực, ảnh hưởng đến hành vi của người phạm tội (các giải pháp về kinh tế, xã hội, về xây dựng và triển khai thực hiện các chính sách kinh tế, xã hội, giải pháp liên quan đến người thi hành công vụ và cơ quan quản lý, liên quan đến công tác xử lý vi phạm và tội CNTHCV). Kết quả nghiên cứu của các công trình không chỉ cung cấp cho tác giả nhiều thông tin, số liệu, nhận định có ý nghĩa mà còn gợi mở việc nghiên cứu tiếp tục vấn đề để giải quyết những vấn đề do thực tiễn đặt ra.

2.2. Những vấn đề chưa được nghiên cứu

Thứ nhất, các công trình nghiên cứu thực tiễn về phòng ngừa tội CNTHCV thường nghiên cứu giới hạn trên một địa bàn hẹp hoặc trên một lĩnh vực hẹp hoặc chỉ nghiên cứu về THTP mà không gắn liền với việc nghiên cứu nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa tội phạm. Ít có công trình nghiên cứu trên phạm vi toàn quốc để chúng ta thấy được bức tranh đầy đủ, trọn vẹn về tình hình tội CNTHCV ở nước ta, các nguyên nhân của tội phạm, hiệu quả của các biện pháp phòng ngừa và việc đề xuất các biện pháp tổng thể có thể áp dụng được trong phạm vi cả nước.

Thứ hai, khi nghiên cứu cụ thể từng nội dung, các công trình chưa giải đáp được nhiều vấn đề thực tiễn đặt ra, như:

- Khi đánh giá tình hình tội CNTHCV, các công trình thường tập trung đánh giá thực trạng (chủ yếu mô tả về lượng) hoặc chỉ đánh giá về tội phạm rõ mà không đánh giá hoặc đánh giá sơ sài về tội phạm ẩn.

- Hầu hết các công trình nghiên cứu tình hình tội CNTHCV chưa có điều kiện cập nhật các thông tin mới và tổng thể nên nhiều biện pháp phòng ngừa được đưa ra sẽ bị lạc hậu khi THTP thay đổi.

- Các công trình chưa thống nhất trong quan niệm về các nhóm nguyên nhân, chưa làm rõ được cơ chế tác động giữa nhân tố là nguyên nhân với hành vi phạm tội. Nhiều nguyên nhân được đề cập còn chung chung, chưa cụ thể, chưa quan tâm cập nhật các nguyên nhân mới phát sinh trong đời sống hiện đại.

- Nhiều biện pháp phòng ngừa còn chung chung, nặng về khẩu hiệu chính trị, không có tính khả thi; có biện pháp không liên quan đến THTP và nguyên nhân phạm tội; còn ít quan tâm tới các biện pháp cụ thể, việc lập luận để chứng minh lý do lựa chọn biện pháp và khả năng áp dụng biện pháp đó chưa được quan tâm.

2.3. Những vấn đề mà đề tài này cần nghiên cứu

- Tình hình tội CNTHCV ở Việt Nam giai đoạn 2005 - 2015

Những nội dung cơ bản thuộc tình hình tội CNTHCV ở Việt Nam giai đoạn 2005 - 2015 cần được làm rõ là:

- + Thực trạng về mức độ của tội CNTHCV ở Việt Nam giai đoạn 2005 - 2015.

- + Thực trạng về tính chất của tội CNTHCV ở Việt Nam giai đoạn 2005 - 2015. Việc nghiên cứu này giúp cho việc đánh giá thực trạng về tính chất của tội CNTHCV.

- + Diễn biến của tội CNTHCV ở Việt Nam giai đoạn 2005 - 2015. Qua đó, thấy được xu hướng vận động của tội CNTHCV về mức độ và tính chất.

- Nguyên nhân của tội CNTHCV ở Việt Nam trong 11 năm từ năm 2005 đến năm 2015.

- Dự báo tình hình tội CNTHCV ở Việt Nam từ nay cho đến năm 2020 và đề xuất các biện pháp phòng ngừa tội CNTHCV ở nước ta.

PHẦN NỘI DUNG

Chương 1

TÌNH HÌNH TỘI CHỐNG NGƯỜI THI HÀNH CÔNG VỤ Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2005 - 2015

Nghiên cứu tình hình tội CNTHCV cần phải làm rõ thực trạng và diễn biến của tội CNTHCV trong đơn vị không gian và thời gian nhất định. Trong phạm vi của luận án này, tác giả nghiên cứu tình hình tội CNTHCV ở Việt Nam giai đoạn 2005 - 2015.

1.1. Thực trạng của tội chống người thi hành công vụ ở Việt Nam giai đoạn 2005 - 2015

1.1.1. Thực trạng về mức độ của tội chống người thi hành công vụ ở Việt Nam giai đoạn 2005 - 2015

1.1.1.1. Về tội phạm rõ

Theo số liệu thống kê của TANDTC, thì trong khoảng thời gian 11 năm từ năm 2005 đến năm 2015, TAND các cấp ở các địa phương trong cả nước đã xét xử 7.966 vụ CNTHCV với 13.151 người phạm tội. *Như vậy, trung bình mỗi năm, TAND các cấp đã xét xử khoảng 724 vụ CNTHCV với khoảng 1.195 người phạm tội.*

Để thấy rõ hơn thực trạng về mức độ số vụ và số người bị xét xử về tội CNTHCV giai đoạn 2005 - 2015, tác giả so sánh số liệu này với số liệu tương ứng giai đoạn 1994 - 2004 (giai đoạn 11 năm trước). Có thể thấy, số vụ phạm tội CNTHCV giai đoạn 2005 - 2015 tăng ở mức đáng lo ngại so với giai đoạn 11 năm trước (giai đoạn 1994 - 2004).

** Về chỉ số tội phạm*

Tội CNTHCV ở Việt Nam giai đoạn 2005 – 2015 có chỉ số tội phạm/100.000 dân là 0.83 và chỉ số người phạm tội/100.000 dân là 1.37. Để thấy rõ hơn chỉ số tội phạm của tội CNTHCV ở Việt Nam giai đoạn 2005 - 2015, chúng ta so sánh số liệu này với giai đoạn 1994 - 2004. Có thể thấy chỉ số tội phạm của tội CNTHCV giai đoạn 2005 - 2015 có sự gia tăng so với giai đoạn 1994 – 2004.

** So sánh số vụ và số người phạm tội CNTHCV so với số vụ và số người phạm tội của tội phạm nói chung trên cả nước*

So với tổng số tội phạm nói chung thì tội CNTHCV chiếm tỷ lệ không lớn (chiếm 1.17% về số vụ và 1.18% về số người phạm tội).

** So sánh số vụ và số người phạm tội CNTHCV so với số vụ và số người phạm các tội thuộc Chương XX BLHS - Các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính trong phạm vi cả nước*

Số vụ và số người phạm tội CNTHCV chiếm một tỉ lệ khá lớn (lần lượt là 73.2% và 66.8%) trong tổng số vụ và số người phạm tội thuộc Chương các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính.

** So sánh số vụ phạm tội CNTHCV với tổng số vụ phạm tội có dấu hiệu CNTHCV:* Số vụ phạm tội CNTHCV chiếm phần lớn trong tổng số vụ phạm tội có dấu hiệu CNTHCV.

Để thấy rõ hơn thực trạng về mức độ của tội CNTHCV, tác giả xem xét tương quan giữa tội này với tội gây rối trật tự công cộng (tội phạm thường xảy ra cùng với tội CNTHCV). Tỉ lệ giữa tổng số vụ phạm tội CNTHCV với tổng số vụ phạm tội gây rối trật tự công cộng trong thời gian 2005 - 2015 là 7.966/3.732. Tỉ lệ giữa tổng số người phạm tội CNTHCV với tổng số người phạm tội gây rối trật tự công cộng bị xét xử trong thời gian 2005 - 2015 là 13.151/12.198.

1.1.1.2. Về tội phạm ản

Qua phân tích mức độ bộc lộ của việc phạm tội CNTHCV và các mối quan hệ của nó với các chủ thể khác có liên quan như người bị hại, nhân chứng, chúng ta có thể khẳng định, tội phạm ản khách quan ở tội CNTHCV là rất thấp.

Để xác định mức độ tội phạm ản chủ quan của tội CNTHCV, tác giả so sánh số liệu về tổng số vụ và số người bị xử phạt hành chính với tổng số vụ và số người bị xử lý ở các giai đoạn tổ tụng hình sự.

Tuy nhiên, tác giả cho rằng, đánh giá số người phạm tội CNTHCV ản chủ quan bằng phương pháp so sánh số bị can CNTHCV với số bị cáo CNTHCV và so sánh giữa số người bị xử lý hành chính về hành vi CNTHCV với số người phạm tội bị xét xử về tội CNTHCV vẫn còn sai số rất lớn. Vì vậy, tác giả còn sử dụng thêm phương pháp điều tra bằng bảng hỏi đối với nạn nhân của tội phạm để đánh giá tình hình tội phạm ản. Tiến hành điều tra đối với 350 người thi hành công vụ cho kết quả mức độ ản của tội CNTHCV vào khoảng 12.5% tổng số người đã bị xét xử về tội CNTHCV (tức là khoảng 1.520 người).

Từ các phương pháp xác định mức độ ản của tội CNTHCV như nêu trên, tác giả cho rằng mức độ ản của tội CNTHCV khoảng 10% tổng số người đã bị đưa ra xét xử về tội CNTHCV.

Bên cạnh việc đánh giá về tội phạm ản khách quan cũng như tội phạm ản chủ quan, tác giả cũng nghiên cứu về sai số thống kê.

Các sai số thống kê trong thống kê tội CNTHCV có thể xuất hiện do nhiều nguyên nhân khác nhau đó là:

Thứ nhất, Tòa án địa phương gửi báo cáo không đúng thời hạn hoặc gửi báo cáo đúng thời hạn nhưng do "bỏ quên" hoặc những sai sót khác của người thống kê mà tội CNTHCV đã được phát hiện, xét xử hình sự nhưng lại không được thống kê, không có trong số liệu thống kê.

Thứ hai, do các cơ quan thống kê hiện nay có sự đồng nhất giữa tội phạm và vụ án.

Thứ ba, sai số thống kê còn do tiêu chí thống kê.

Thứ tư, tình trạng một vụ phạm tội nhưng được thống kê nhiều lần.

Thứ năm, thời điểm tội phạm được thống kê có thể "muộn hơn" rất nhiều so với thời điểm tội phạm xảy ra.

1.1.2. Thực trạng về tính chất của tội chống người thi hành công vụ ở Việt Nam giai đoạn 2005 - 2015

Nghiên cứu thực trạng về tính chất của tội phạm là nhận thức các đặc điểm định tính thuộc nội dung bên trong của THTP. Để có thể đánh giá được toàn diện thực trạng về tính chất của tội CNTHCV, cần lựa chọn một số tiêu thức để xác định cơ cấu của tội phạm này.

** Cơ cấu của tội CNTHCV theo địa bàn phạm tội (địa bàn cấp tỉnh)*

Tội CNTHCV xảy ra ở tất cả các địa phương trong cả nước nhưng không đồng đều.

** Cơ cấu của tội CNTHCV theo khu vực nông thôn, thành thị*

Trong tổng số 458 vụ phạm tội CNTHCV thì có 258 vụ (chiếm tỉ lệ 56.3%) số vụ là xảy ra ở khu vực thành thị; có 200 vụ (chiếm tỉ lệ 43.7%) số vụ là xảy ra ở khu vực nông thôn.

** Cơ cấu của tội CNTHCV theo thời gian phạm tội*

Số vụ xảy ra vào ban ngày (từ 6 giờ sáng đến 18 giờ tối) là đa số, chiếm tỉ lệ 69.4%; số vụ xảy ra vào buổi tối và đêm (từ sau 18 giờ tối đến trước 6 giờ sáng ngày hôm sau) chiếm tỉ lệ 30.6%.

** Cơ cấu theo địa điểm phạm tội*

Số vụ mà người phạm tội có hành vi phạm tội xảy ra ở nơi công cộng là phổ biến, chiếm tỉ lệ 67.7%; số vụ mà người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội tại nhà riêng của người phạm tội hoặc của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chiếm tỉ lệ 17.2%; số vụ mà người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội tại trụ sở cơ quan nhà nước chiếm tỉ lệ 7%; số vụ xảy ra ở nơi khác như đường rừng, công trường đang thi công ... chiếm tỉ lệ là 8.1%.

** Cơ cấu theo loại tội phạm (phân loại tội phạm theo quy định của Điều 8 BLHS)*

Số người phạm tội CNTHCV thuộc loại tội ít nghiêm trọng là chủ yếu, chiếm tỉ lệ 81.9%, số người phạm tội nghiêm trọng chiếm tỉ lệ 18.1%.

** Cơ cấu theo hình thức phạm tội*

Trong tổng số 458 vụ án thì có 266 vụ phạm tội đơn lẻ (chiếm 58.1%), 192 vụ phạm tội dưới hình thức đồng phạm (chiếm 41.9%), trong đó có 6 vụ phạm tội có tổ chức.

** Cơ cấu theo dạng hành vi khách quan*

Số vụ mà người phạm tội dùng vũ lực chống lại lực lượng thi hành công vụ chiếm tỉ lệ cao nhất với 398 vụ (chiếm tỉ lệ 87%); số vụ đối tượng đe dọa dùng vũ lực là 44 vụ (chiếm tỉ lệ 9.6%); số vụ mà đối tượng sử dụng thủ đoạn khác chiếm tỉ lệ thấp nhất với 16 vụ (chiếm tỉ lệ 3,4%).

** Cơ cấu theo tiêu thức người phạm tội có hay không có sự chuẩn bị trước khi thực hiện hành vi phạm tội*

Tiêu thức phạm tội có hành vi chuẩn bị trước chiếm một tỉ phần đáng kể trong số các trường hợp được nghiên cứu (111/458 vụ, chiếm tỉ lệ 24.2%). Tiêu thức phạm tội không có hành vi chuẩn bị trước chiếm đa số (347/458 vụ, chiếm tỉ lệ 75,8%).

** Cơ cấu theo tiêu thức có thiệt hại hay không có thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra*

Trong tổng số 458 vụ xét xử về tội CNTHCV, có 398 vụ người phạm tội có gây ra thiệt hại trực tiếp (có thể là thiệt hại về sức khỏe, thiệt hại về tài sản và cũng có thể là vừa gây thiệt hại về sức khỏe và tài sản), có 60 vụ người phạm tội không gây ra thiệt hại.

Trong số 398 vụ mà người phạm tội có gây ra thiệt hại, số vụ CNTHCV mà người phạm tội gây ra thiệt hại về sức khỏe chiếm tỉ lệ rất cao với 327 vụ tương ứng với 82,2%, đứng thứ hai là số vụ mà người phạm tội vừa gây thiệt hại về sức khỏe, vừa gây thiệt hại về tài sản với 40 vụ chiếm tỉ lệ 10%, thấp nhất là số vụ CNTHCV mà người phạm tội chỉ gây ra thiệt hại về tài sản với 31 vụ chiếm tỉ lệ 7,8%.

** Cơ cấu theo loại và mức hình phạt áp dụng đối với người phạm tội*

Trong tổng số 13.082 người phạm tội bị áp dụng hình phạt thì số vụ mà người phạm tội bị phạt tù dưới 3 năm là chủ yếu với 12.111 người phạm tội (chiếm tỉ lệ 92.6%), trong đó, số người phạm tội bị phạt tù dưới 3 năm nhưng cho hưởng án treo có 3.798 người phạm tội

(chiếm tỉ lệ 29.1%); số người phạm tội bị phạt tù từ 3 năm đến 7 năm có 533 người phạm tội (chiếm tỉ lệ 4.1%); số người phạm tội bị phạt cải tạo không giam giữ có 438 người phạm tội (chiếm tỉ lệ 3.3%).

** Cơ cấu theo tiêu thức có hay không sử dụng công cụ, phương tiện phạm tội*

Trong tổng số 458 vụ phạm tội CNTHCV, số vụ mà người phạm tội có sử dụng công cụ, phương tiện phạm tội chiếm tỉ lệ rất đáng kể với 294 vụ chiếm tỉ lệ là 64%, số vụ mà người phạm tội không sử dụng công cụ, phương tiện phạm tội chiếm tỷ lệ thấp hơn nhiều với 164 vụ (chiếm 36%). Đáng chú ý là trong tổng số 294 vụ người phạm tội có sử dụng công cụ, phương tiện phạm tội thì có tới 151/294 vụ chiếm tỉ lệ 51.4% người phạm tội có sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ như súng, dao kiếm, mã tấu, dùi cui...

** Cơ cấu theo đặc điểm nhân thân của người phạm tội*

+ Đặc điểm về độ tuổi của người phạm tội CNTHCV: Chủ thể của tội CNTHCV có ở các độ tuổi khác nhau từ dưới 18 tuổi (thuộc trường hợp phải chịu trách nhiệm hình sự) đến trên 30 tuổi. Tỉ lệ người dưới 18 tuổi (thuộc trường hợp phải chịu trách nhiệm hình sự) phạm tội này chiếm tỉ lệ thấp với 3.0%.

+ Đặc điểm về giới tính của người phạm tội CNTHCV: Người phạm tội CNTHCV chủ yếu là nam giới, chiếm tỉ lệ 95.3%. Số người phạm tội CNTHCV là nữ giới rất thấp, chỉ chiếm 4.7%.

+ Đặc điểm về dân tộc của người phạm tội CNTHCV: Người phạm tội CNTHCV chủ yếu là người Kinh chiếm tới 95.7%; số người dân tộc thiểu số phạm tội này rất nhỏ, chỉ chiếm 4.3%.

+ Đặc điểm về trình độ học vấn của người phạm tội: Người phạm tội CNTHCV có trình độ học vấn thấp. Số người có trình độ trung học phổ thông trở xuống chiếm tới 67.1%; trong đó, số người có trình độ tiểu học khá đáng kể, chiếm 25%, số người mù chữ chiếm 4.2%.

+ Đặc điểm về nghề nghiệp của người phạm tội: Số người phạm tội CNTHCV làm nông nghiệp và không có việc làm chiếm đa số chiếm 60.6%.

+ Đặc điểm về lý lịch tư pháp của người phạm tội (phạm tội lần đầu, tái phạm, tái phạm nguy hiểm): Từ năm 2005 - 2015, trong tổng số 13.151 người phạm tội bị đưa ra xét xử có 235 người phạm tội là tái phạm, tái phạm nguy hiểm, chiếm tỉ lệ 1,8%; số người phạm tội lần đầu là 12.916 người phạm tội, chiếm tỉ lệ 98,2%.

** Cơ cấu theo tiêu thức người phạm tội có hay không sử dụng rượu hoặc ma túy*

Trong 458 bản án với 948 người phạm tội CNTHCV có tới 129 người phạm tội (chiếm tỉ lệ 13,6%) khi thực hiện hành vi phạm tội đã sử dụng rượu. Theo thống kê của TANDTC, từ năm 2005 - 2015, trong tổng số 13.151 người phạm tội được đưa ra xét xử có 54 người phạm tội nghiện ma túy, chiếm 0,41%.

** Cơ cấu theo một số đặc điểm của nạn nhân*

+ Về giới tính của nạn nhân: Trong 458 bản án CNTHCV có 857 nạn nhân thì số nạn nhân là nam chiếm tỷ lệ khá cao có 845 nạn nhân/857 nạn nhân (chiếm tỉ lệ 98,6%); chỉ có 12 nạn nhân là nữ giới (chiếm tỉ lệ 1,4%).

+ Về ngành (nghề) của người thi hành công vụ: Trong 458 vụ CNTHCV thì có 348 vụ (chiếm tỉ lệ 76%) mà người phạm tội chống lại cán bộ thuộc ngành Công an; có 110 vụ (chiếm tỉ lệ 24%) mà người phạm tội chống lại cán bộ thuộc các ngành khác.

+ Về trình độ, năng lực chuyên môn của người thi hành công vụ: Qua nghiên cứu 458 bản án CNTHCV cho thấy một bộ phận cán bộ thi hành công vụ có trình độ, năng lực chuyên môn thấp, có trường hợp còn chưa được học nghiệp vụ.

+ Về tình huống trở thành nạn nhân của tội CNTHCV: Tình huống trở thành nạn nhân của tội CNTHCV đều là khi thi hành các quyết định cá biệt hoặc là khi tiến hành các hoạt động khác mang tính chất pháp lý mà không cần ban hành văn bản áp dụng quy phạm pháp luật; không có trường hợp nào trở thành nạn nhân của tội CNTHCV khi ban hành các quyết định cá biệt.

Qua thống kê 458 bản án CNTHCV thì có 284 bản án (chiếm 62%) mà người thi hành công vụ trở thành nạn nhân của tội CNTHCV khi thi hành công vụ độc lập, đơn lẻ, không có sự phối hợp, hỗ trợ lực lượng, có 174 bản án (chiếm tỉ lệ 38%) mà người thi hành công vụ trở thành nạn nhân của tội CNTHCV khi thi hành công vụ có sự phối hợp, hỗ trợ lực lượng để đối phó với các hành vi CNTHCV.

+ Về người thi hành công vụ có lỗi/không có lỗi: Số vụ CNTHCV mà người thi hành công vụ cũng có lỗi chiếm tỉ lệ tương đối đáng kể (chiếm 17,2%).

Qua nghiên cứu về cơ cấu của tội CNTHCV ở Việt Nam giai đoạn 2005 - 2015, tác giả có thể rút ra một số tính chất của tội phạm này như sau:

Thứ nhất, tội CNTHCV chủ yếu là xảy ra ở khu vực thành thị, chiếm tỉ lệ 56.3%.

Thứ hai, thời gian xảy ra hành vi phạm tội CNTHCV thường là vào ban ngày, chiếm tỉ lệ 69.4%.

Thứ ba, về địa điểm, tội CNTHCV thường xảy ra ở những nơi công cộng như tại nhà ga, bến xe, sân vận động, trung tâm thương mại... chiếm tỉ lệ 67,7%.

Thứ tư, hình thức phạm tội tương đối phổ biến của tội CNTHCV là dưới hình thức đơn lẻ, chiếm tỉ lệ 58.1%; tuy nhiên, số vụ phạm tội dưới hình thức đồng phạm cũng khá lớn, chiếm tỉ lệ 41.9%.

Thứ năm, loại tội phạm chủ yếu của tội CNTHCV là tội ít nghiêm trọng, chiếm 81,9%.

Thứ sáu, người phạm tội thường dùng vũ lực để chống lại lực lượng thi hành công vụ, chiếm tỉ lệ 87%.

Thứ bảy, hành vi CNTHCV chủ yếu là hành vi không có sự chuẩn bị trước chiếm 75,8%.

Thứ tám, thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra chủ yếu là thiệt hại về sức khỏe, chiếm tỉ lệ 82.2% trong tổng số vụ bị thiệt hại.

Thứ chín, hình phạt áp dụng đối với người phạm tội CNTHCV chủ yếu là hình phạt tù có thời hạn dưới ba năm, chiếm tỉ lệ 63.5%.

Thứ mười, số vụ mà người phạm tội không dùng công cụ, phương tiện phạm tội chiếm tỉ lệ đáng kể với 164 vụ, chiếm tỉ lệ 36%.

Thứ mười một, về đặc điểm nhân thân của người phạm tội có các đặc trưng sau:

- Người phạm tội chủ yếu là nam giới, chiếm tỉ lệ 95.3%;
- Độ tuổi trên 30 tuổi là chủ yếu, chiếm tỉ lệ 65.9%;
- Người phạm tội chủ yếu là người làm nông nghiệp và không có việc làm, chiếm tỉ lệ 60.6%.
- Người phạm tội có trình độ học vấn từ trung học phổ thông trở xuống chiếm đa số, chiếm tỉ lệ 96.3%;
- Phần lớn các vụ phạm tội CNTHCV là phạm tội lần đầu, chiếm tỉ lệ 98.2%.

Thứ mười hai, nạn nhân của tội CNTHCV chủ yếu là lực lượng Công an, chiếm 76%.

Thứ mười ba, tình huống trở thành nạn nhân của tội CNTHCV chủ yếu là khi thi hành công vụ độc lập, đơn lẻ, không có sự phối hợp, hỗ trợ lực lượng (chiếm tỉ lệ 62%) và chủ yếu là khi giải quyết các vụ vi phạm giao thông, đánh nhau, gây rối trật tự công cộng, giải quyết các

vụ tranh chấp, khiếu kiện liên quan đến vấn đề đất đai, đền bù giải phóng mặt bằng (chiếm tỉ lệ 60.7%).

1.2. Diễn biến của tội chống người thi hành công vụ ở Việt Nam giai đoạn 2005 - 2015

1.2.1. Diễn biến về mức độ của tội chống người thi hành công vụ ở Việt Nam giai đoạn 2005 - 2015

Để đánh giá diễn biến về mức độ của tội CNTHCV ở Việt Nam giai đoạn 2005 - 2015, tác giả lấy số vụ và số người phạm tội CNTHCV ở Việt Nam trong năm 2005 là năm gốc (coi là 100%) và lấy số liệu tương ứng của các năm tiếp theo so sánh với năm gốc.

Tác giả thấy rằng số vụ phạm tội CNTHCV trong những năm qua tăng, giảm không đều. Số người phạm tội CNTHCV từ năm 2005 đến năm 2015 cũng tăng, giảm không ổn định. Nhìn chung, năm có số vụ phạm tội tăng thì số người phạm tội cũng tăng và ngược lại, năm có số vụ phạm tội giảm thì số người phạm tội cũng giảm.

Tác giả đã so sánh diễn biến của tội CNTHCV với diễn biến của nhóm các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính thì thấy rằng diễn biến của tội CNTHCV và diễn biến của nhóm các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính có một số nét tương đối giống nhau trong xu hướng tăng, giảm.

Qua phân tích diễn biến về mức độ của tội CNTHCV có thể thấy, diễn biến của tội CNTHCV không ổn định, mức độ tăng, giảm không đều qua các năm, có năm giảm nhưng hầu hết các năm là có xu hướng tăng, đặc biệt năm 2012 và năm 2013 tăng mạnh nhất.

1.2.2. Diễn biến về tính chất của tội chống người thi hành công vụ ở Việt Nam giai đoạn 2005 - 2015

** Diễn biến về tính chất theo loại tội (tội ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng)*

Diễn biến về số người phạm tội CNTHCV là tội ít nghiêm trọng có xu hướng gia tăng nhưng diễn biến của nó lại không khó lường bằng diễn biến về số người phạm tội nghiêm trọng. Cụ thể, số người phạm tội nghiêm trọng đều có xu hướng gia tăng mạnh so với năm 2005 nhưng tốc độ gia tăng lên xuống khá thất thường.

** Diễn biến về tính chất theo hình thức phạm tội*

Diễn biến về tính chất của tội CNTHCV theo hình thức phạm tội có số vụ phạm tội CNTHCV với hình thức đồng phạm và đơn lẻ đều có xu hướng tăng, tuy mức độ gia tăng của từng hình thức phạm tội có khác nhau trong từng năm.

** Diễn biến về tính chất theo số vụ mà người phạm tội có sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ*

Diễn biến về tính chất của số vụ phạm tội mà người phạm tội có sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ rất khó lường, tốc độ gia tăng mạnh, nhất là vào những năm gần đây (năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015), riêng năm 2007 thì có xu hướng giảm.

** Diễn biến về tính chất số người phạm tội thuộc trường hợp tái phạm, tái phạm nguy hiểm*

Số người phạm tội có tình tiết tái phạm, tái phạm nguy hiểm có xu hướng diễn biến về tính chất rất phức tạp. Trong các năm 2007, 2009, 2010, 2015, số người phạm tội thuộc trường hợp tái phạm, tái phạm nguy hiểm có xu hướng giảm so với năm 2005; các năm còn lại thì có xu hướng tăng so với năm 2005.

Đối với diễn biến về số người phạm tội không thuộc trường hợp tái phạm, tái phạm nguy hiểm thì có xu hướng gia tăng so với năm 2005, chỉ có năm 2007 và năm 2015 là có xu hướng giảm.

** Diễn biến về tính chất số người phạm tội là người chưa thành niên hoặc đã thành niên*

Diễn biến về số người chưa thành niên phạm tội diễn biến rất phức tạp. Năm 2008, 2010, 2012, số người chưa thành niên phạm tội có xu hướng tăng so với năm 2005, các năm còn lại thì có xu hướng giảm so với năm 2005. Diễn biến về số người thành niên phạm tội nhìn chung có xu hướng tăng so với năm 2005, chỉ có năm 2007 và năm 2015 là có xu hướng giảm so với năm 2005.

Chương 2

NGUYÊN NHÂN CỦA TỘI CHỐNG NGƯỜI THI HÀNH CÔNG VỤ Ở VIỆT NAM

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu về tình hình tội CNTHCV, tác giả rút ra được nguyên nhân của tội CNTHCV gồm các nhóm nguyên nhân cơ bản sau:

2.1. NGUYÊN NHÂN LIÊN QUAN ĐẾN KINH TẾ - XÃ HỘI

* Tác động từ những hạn chế trong xây dựng, triển khai thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội, thực hiện quy định của pháp luật về đất đai và quy định khác có liên quan, đặc biệt là quy định về thu hồi đất, bồi thường, đền bù đất đai, giải phóng mặt bằng.

- Trước hết, đó là bất cập, hạn chế trong qui định về đền bù đất. Giá đền bù đất còn nhiều bất hợp lí, chưa thực sự coi trọng cũng như đảm bảo quyền lợi chính đáng của người dân, dẫn đến phản ứng bức xúc tiêu cực của người dân.

- Việc triển khai thực hiện trên thực tế nhiều chính sách kinh tế - xã hội và qui định của pháp luật có liên quan (nhất là qui định của pháp luật đất đai) cũng lại có sai sót, thiếu minh bạch, có biểu hiện quan liêu, tham nhũng, thiếu tinh thần trách nhiệm của cán bộ có thẩm quyền ở nhiều địa phương.

* Tác động từ nạn thất nghiệp hoặc không có việc làm ổn định, từ sự phân hóa giàu nghèo trong xã hội.

2.2. NGUYÊN NHÂN LIÊN QUAN ĐẾN HẠN CHẾ TRONG HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI

* Tác động từ việc buông lỏng công tác quản lý, kiểm soát, hạn chế các tệ nạn xã hội. Tình hình lạm dụng các chất kích thích như rượu, ma túy làm cho người sử dụng mất khả năng kiểm chế và khả năng tự chủ hành vi. Những đối tượng này rất dễ nổi nóng, dễ bị kích động thực hiện hành vi phạm pháp, trong đó có hành vi CNTHCV.

* Tác động từ hạn chế trong công tác quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ. Việc quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ ở nước ta còn có nhiều yếu kém, bất cập nên các đối tượng phạm tội CNTHCV không quá khó khăn để tiếp cận được với vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ phục vụ cho việc thực hiện hành vi phạm tội.

* Tác động từ hạn chế trong hoạt động kiểm soát, tuần tra của chính quyền cấp cơ sở. Trên thực tế, công tác tuần tra, kiểm soát của các lực lượng chức năng hiện nay còn nhiều buông lỏng. Do không thường xuyên tuần tra, kiểm soát kịp thời xử lý vi phạm nên việc làm mất an ninh, trật tự đã trở thành “thói quen” ở các tụ điểm này. Vì vậy, khi lực lượng chức năng xuất hiện làm nhiệm vụ, một số đối tượng không còn được sống theo “thói quen” ấy nên đã liều lĩnh chống trả.

* Tác động từ hạn chế trong công tác quản lý, giúp đỡ, giám sát người mãn hạn tù tái hoà nhập cộng đồng.

2.3. NGUYÊN NHÂN THUỘC VỀ HẠN CHẾ TRONG CÔNG TÁC XỬ LÝ VI PHẠM VÀ ĐẦU TRÁNH CHỐNG TỘI CHỐNG NGƯỜI THI HÀNH CÔNG VỤ

* Tác động từ hạn chế trong công tác xử phạt vi phạm hành chính hành vi CNTHCV. Do hành vi CNTHCV của đối tượng đáng lẽ phải

xử phạt hành chính nhưng lại không bị xử phạt vi phạm hành chính, ngăn chặn ngay từ đầu, từ đó dẫn đến việc những đối tượng này có thái độ coi thường pháp luật, coi thường người thi hành công vụ và tiếp tục tái diễn hành vi CNTHCV. Một số nơi, chính quyền tuy có xử phạt vi phạm hành chính nhưng lại làm qua loa, không đưa ra mức xử phạt nghiêm khắc.

* Tác động từ hạn chế của việc xây dựng các kế hoạch, phương án xử lý vụ việc, ứng phó với các tình huống CNTHCV, phương án hợp tác trong đấu tranh chống tội CNTHCV của một số cơ quan Công an với một số cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác.

* Tác động từ hạn chế của công tác trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ, phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ chuyên dụng cho người thi hành công vụ.

* Tác động từ hạn chế trong hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng

- Hạn chế trong hoạt động của Cơ quan điều tra: Nhiều vụ việc đáng lẽ phải xử lý hình sự do có đủ dấu hiệu của tội phạm, tuy nhiên trên thực tế chỉ bị xử phạt hành chính. Một số cơ quan điều tra đã thiếu trách nhiệm, không làm đúng quy trình điều tra dẫn đến bỏ lọt tội phạm. Năng lực điều tra của Cơ quan điều tra còn chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Hạn chế trong hoạt động của Viện Kiểm sát nhân dân: Công tác kiểm sát điều tra và thực hành quyền công tố còn những hạn chế nhất định.

- Hạn chế trong hoạt động của Tòa án nhân dân: Công tác xét xử của Tòa án các cấp có những thiếu sót ảnh hưởng đến hiệu quả của việc xét xử.

2.4. NGUYÊN NHÂN LIÊN QUAN ĐẾN HẠN CHẾ TRONG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC VÀ TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN PHÁP LUẬT

* Hạn chế trong hoạt động giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đoàn thể xã hội.

- Tác động từ hạn chế trong hoạt động giáo dục ý thức sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, ý thức phòng ngừa và đấu tranh chống tội CNTHCV.

- Tác động từ hạn chế trong công tác tuyên truyền, giáo dục mọi người tránh xa phim ảnh, sách báo, game bạo lực.

- Tác động từ hạn chế trong công tác quản lý phương tiện thông tin đại chúng.

- Tác động từ hạn chế trong công tác xét xử lưu động các vụ án CNTHCV. Việc tổ chức xét xử lưu động các vụ án CNTHCV chưa đáp ứng được yêu cầu của tình hình thực tiễn.

* Tác động từ hạn chế trong công tác giáo dục nói chung và tuyên truyền, phổ biến pháp luật nói riêng từ phía nhà trường.

* Tác động từ hạn chế trong giáo dục của môi trường gia đình.

2.5. NGUYÊN NHÂN TỪ PHÍA NẠN NHÂN (NGƯỜI THI HÀNH CÔNG VỤ)

* Một bộ phận người thi hành công vụ có thái độ ứng xử thiếu chuẩn mực, hách dịch, cửa quyền, giải quyết công việc thiếu khách quan, minh bạch.

* Một bộ phận người thi hành công vụ lạm dụng quyền hạn của mình xâm phạm tới lợi ích của người dân.

* Một bộ phận người thi hành công vụ chưa thực hiện đúng quy chế, quy trình trong khi làm nhiệm vụ.

2.6. NGUYÊN NHÂN TỪ PHÍA NGƯỜI PHẠM TỘI

* Một bộ phận người phạm tội có trình độ học vấn thấp, ý thức pháp luật còn hạn chế, thậm chí một số người phạm tội còn tỏ ra coi thường, bất chấp pháp luật.

* Một bộ phận người phạm tội có tính cách ngang ngược, côn đồ, nóng nảy, sẵn sàng chống đối người thi hành công vụ bất chấp pháp luật. Bên cạnh đó, một số người phạm tội còn trở nên côn đồ, hung hãn do ảnh hưởng của việc uống rượu, bia.

* Một bộ phận người phạm tội bị lôi kéo, bị tác động bởi "tâm lý đám đông".

Chương 3

DỰ BÁO TÌNH HÌNH TỘI PHẠM VÀ CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA TỘI CHỐNG NGƯỜI THI HÀNH CÔNG VỤ Ở VIỆT NAM

3.1. DỰ BÁO TÌNH HÌNH TỘI CHỐNG NGƯỜI THI HÀNH CÔNG VỤ Ở VIỆT NAM

Theo tác giả, có thể dự báo tình hình tội CNTHCV từ nay đến năm 2020 như sau:

Một là, tội CNTHCV nói chung vẫn có xu hướng gia tăng với mức độ gia tăng bình quân bằng hoặc hơn giai đoạn 2005 - 2015.

Hai là, số vụ phạm tội dưới hình thức đồng phạm vẫn chiếm một tỷ lệ khá cao.

Ba là, số vụ phạm tội sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ có xu hướng gia tăng nhưng số người phạm tội là người chưa thành niên, người phạm tội có tình tiết tái phạm, tái phạm nguy hiểm chiếm tỉ lệ không lớn và có xu hướng tương đối ổn định.

Bốn là, hành vi phạm tội CNTHCV chủ yếu là không có sự chuẩn bị trước và thuộc loại tội ít nghiêm trọng.

Năm là, hành vi dùng vũ lực vẫn là hành vi phổ biến nhất, chiếm tỉ lệ cao nhất trong 3 dạng hành vi khách quan của tội CNTHCV.

Sáu là, tội CNTHCV chủ yếu xảy ra ở khu vực thành thị, tại những nơi công cộng và phần lớn là xảy ra vào ban ngày; thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra phần lớn là thiệt hại về thể chất; người phạm tội thường là nam giới, phạm tội lần đầu, có độ tuổi trên 30 tuổi, chưa có tiền án, tiền sự, có trình độ học vấn từ trung học phổ thông trở xuống.

Bảy là, tội CNTHCV xảy ra chủ yếu ở thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và một số địa phương như Bình Phước, Bình Thuận, Tây Ninh, Cà Mau, Đồng Nai, Nghệ An.

Tám là, lực lượng Công an nhân dân vẫn là nạn nhân chủ yếu của tội CNTHCV. Các lĩnh vực có người bị hại vẫn tập trung vào các lĩnh vực như trật tự công cộng, an toàn giao thông đường bộ, xử lý các vấn đề có liên quan đến đất đai, đền bù giải phóng mặt bằng, bảo vệ, khai thác rừng và quản lý lâm sản.

3.2. Các biện pháp phòng ngừa tội chống người thi hành công vụ ở Việt Nam trong thời gian tới

3.2.1. Nhóm biện pháp liên quan đến kinh tế - xã hội

* Bảo đảm sự phù hợp của các chính sách kinh tế - xã hội, các quy định của pháp luật (nhất là các quy định pháp luật điều chỉnh quan hệ về đất đai) không chỉ phù hợp với qui hoạch chung mà còn phải chú ý đến quyền lợi chính đáng của người dân, hạn chế đến mức tối đa những qui định có thể tạo sơ hở cho cán bộ biến chất lạm dụng gây thiệt hại đến quyền lợi chính đáng của người dân.

* Thực hiện công khai, minh bạch trong triển khai các chính sách kinh tế, xã hội, các quy định pháp luật ở địa phương.

* Nâng cao chất lượng hoạt động giải quyết đơn, thư khiếu kiện của nhân dân.

* Để giảm bớt tỉ lệ thất nghiệp tạo ra nhiều hơn công ăn, việc làm cho người dân cũng như thu hẹp khoảng cách phân hóa giàu nghèo trong xã hội, theo tác giả, Nhà nước cần thực hiện các giải pháp sau:

- Đầu tư phát triển kinh tế, tạo điều kiện giải quyết ngày càng nhiều việc làm cho người lao động. Khuyến khích phát triển đa dạng các ngành, nghề sản xuất khai thác hiệu quả các tiềm năng sẵn có về đất đai, tài nguyên thiên nhiên và nguồn nhân lực để phát triển kinh tế, nâng cao năng suất lao động, tạo thêm việc làm mới.

- Cần thực hiện các giải pháp xóa đói, giảm nghèo bền vững, nhất là đối với những gia đình đồng con và có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế.

- Khắc phục tác động tiêu cực từ quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa.

3.2.2. Nhóm biện pháp khắc phục hạn chế của quản lý nhà nước về trật tự, an toàn xã hội

* Tăng cường kiểm soát, hạn chế các tệ nạn xã hội, nhất là tệ nạn ma túy, nghiện rượu, bia.

* Tăng cường công tác quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

* Thực hiện tốt công tác kiểm soát, tuần tra của chính quyền cấp cơ sở.

* Làm tốt công tác quản lý, giúp đỡ, giám sát người mãn hạn tù tái hòa nhập cộng đồng.

3.2.3. Nhóm biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động xử lý vi phạm và đấu tranh chống tội chống người thi hành công vụ

* Xử lý linh hoạt, kiên quyết, triệt để và có phân hóa hành vi CNTHCV. Cần khắc phục hạn chế việc xử lý chưa nghiêm, chưa kiên quyết, triệt để đối với hành vi CNTHCV. Bên cạnh đó, cần sử dụng cán bộ có uy tín ở địa phương vận động, giải thích cho nhân dân hiểu rõ chính sách, pháp luật của Nhà nước trong giải quyết vụ việc có liên quan, kịp thời kiềm chế bức xúc của họ để từ đó người dân hiểu, đồng tình và không tiếp tục tham gia CNTHCV.

* Bảo đảm sự phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền trong xử lý hành vi CNTHCV.

* Tập trung rà soát, bổ sung và xây dựng mới những kế hoạch, phương án xử lý vụ việc, ứng phó với các tình huống CNTHCV, phương án hợp tác trong đấu tranh chống tội CNTHCV, nhất là các lĩnh vực có nguy cơ cao xảy ra hành vi CNTHCV.

* Đầu tư trang thiết bị kỹ thuật, vũ khí, phương tiện, công cụ hỗ trợ phục vụ tốt yêu cầu thi hành công vụ.

* Nâng cao đạo đức nghề nghiệp, chống quan liêu, tham nhũng, tiêu cực trong đội ngũ cán bộ của các cơ quan tư pháp.

* Bồi dưỡng năng lực công tác, kiện toàn đội ngũ cán bộ các cơ quan tư pháp đáp ứng yêu cầu của chiến lược cải cách tư pháp.

- * Nâng cao hiệu quả công tác kiểm sát và thực hành quyền công tố.
- * Đổi mới hoạt động xét xử của Tòa án.

3.2.4. Nhóm biện pháp về giáo dục và tuyên truyền, phổ biến pháp luật

* Nâng cao hiệu quả công tác giáo dục nói chung và tuyên truyền, phổ biến pháp luật nói riêng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đoàn thể xã hội.

* Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, giáo dục mọi người tránh xa phim ảnh, sách báo, game bạo lực.

* Tăng cường quản lý phương tiện thông tin đại chúng. Ban Tuyên giáo Trung ương cần phối hợp chặt chẽ với Bộ Thông tin và Truyền thông trong việc quản lý các phương tiện thông tin đại chúng, kể cả báo viết, báo nói, báo hình, báo mạng sao cho đây là công cụ hữu hiệu trong phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm nói chung và tội CNTHCV nói riêng.

* Cơ quan Tòa án cần tăng cường xét xử lưu động tại các địa phương nơi xảy ra tội CNTHCV.

* Khắc phục những hạn chế trong công tác giáo dục và tuyên truyền, phổ biến pháp luật từ phía nhà trường.

* Khắc phục những hạn chế trong giáo dục của môi trường gia đình.

3.2.5. Nhóm biện pháp hạn chế nguy cơ trở thành nạn nhân của tội chống người thi hành công vụ

* Lãnh đạo các Bộ, ngành ở trung ương cũng như lãnh đạo chính quyền địa phương các cấp cần tăng cường hơn nữa vai trò chỉ đạo, thanh tra, kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở nhằm chủ động phát hiện, xử lý kịp thời các sai phạm, thiếu sót trong quá trình thi hành công vụ của người được giao thực thi công vụ.

* Cơ quan, đơn vị quản lý người thi hành công vụ cần tiến hành thường xuyên, liên tục công tác bồi dưỡng nâng cao phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn của người thi hành công vụ.

* Đổi mới công tác tuyển dụng và sử dụng cán bộ, công chức, xây dựng quy trình tuyển dụng cán bộ, công chức khách quan, công bằng, minh bạch.

3.2.6. Nhóm biện pháp phòng ngừa từ phía người phạm tội

* Hạn chế tính ngang ngược, côn đồ, nóng nảy, coi thường, bất chấp pháp luật.

* Bản thân mỗi người cần hạn chế việc gây mâu thuẫn với người khác; đối với những người đã có sẵn mâu thuẫn với mình thì cần tránh, hạn chế tiếp xúc.

* Tuyên truyền để người dân hạn chế tiếp xúc với những luồng văn hóa mang tính bạo lực.

* Tuyên truyền và có biện pháp để hạn chế sử dụng ma túy, uống rượu bia đối với những người sử dụng ma túy hoặc có sở thích uống rượu, bia và có khả năng trở thành người nghiện ma túy, rượu, bia.

* Khẩn trương loại bỏ những nguyên nhân dẫn đến việc hình thành đám đông trong khi thi hành công vụ.

.

CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Trần Ngọc Đường (2011), “Mấy ý kiến về công tác phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm chống người thi hành công vụ”, *Tạp chí Công an nhân dân*, (8), tr.62-64.
2. Trần Ngọc Đường (2013), “Pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ trong phòng, chống tội phạm chống người thi hành công vụ”, *Tạp chí Khoa học và Chiến lược*, (6), tr.77-80.
3. Trần Ngọc Đường (2014), “Pháp luật về các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý hành vi chống người thi hành công vụ trong tình hình mới”, *Tạp chí Cảnh sát phòng chống tội phạm*, (44), tr.67-71.
4. Trần Ngọc Đường (2014), “Hoàn thiện pháp luật về xử lý các hành vi cản trở hoạt động tố tụng của Tòa án đáp ứng yêu cầu phòng, chống tội phạm trong tình hình mới”, *Tạp chí Kiểm sát*, (5), tr.33-36.
5. Trần Ngọc Đường (2016), “Nâng cao hiệu quả phòng ngừa tội chống người thi hành công vụ trong tình hình hiện nay”, *Tạp chí dân chủ và pháp luật*, (1), tr.15-19.
6. Trần Ngọc Đường (2016), “Hoàn thiện pháp luật về trang bị, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ đáp ứng yêu cầu phòng, chống tội chống người thi hành công vụ trong tình hình hiện nay”, *Tạp chí Công an nhân dân*, (1), tr.101-105.